

Số: 1025/QĐ-PHĐHLN-SV

Đồng Nai, ngày 2 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về Chế độ chính sách cho sinh viên
Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai**

GIÁM ĐỐC

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 53/1998/TTLT-BGD&ĐT-TC-LĐTĐ&XH ngày 25/8/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 28/03/2002 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTCBLĐTBXH ngày 03/8/2009 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I phần II Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐTB&XH;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chính trị & Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy định về chế độ chính sách cho sinh viên Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các văn bản trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và sinh viên của Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SV.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH PHÂN HIỆU**



Nguyễn Sỹ Hà



QUY ĐỊNH

VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số: 1025/QĐ-PHDHLN-SV ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước; Căn cứ tình hình thực tế của Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, nhà trường vận dụng và ban hành “Quy định về chế độ chính sách cho sinh viên Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai” để các đơn vị, cá nhân và sinh viên đại học hình thức đào tạo chính quy trong trường thực hiện.

CHƯƠNG 1.

HỌC BỔNG VÀ TRỢ CẤP XÃ HỘI

Điều 1. Học bổng chính sách (HBCS)

1. Văn bản thực hiện

Nghị định 84/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/07/2020 quy định chi tiết về một số điều của Luật Giáo dục.

2. Đối tượng áp dụng

- Sinh viên hệ cử tuyển;
- Học sinh dự bị đại học;
- Học sinh PTDTNT.

3. Mức học bổng chính sách

- Mức HBCS bằng 80% lương tối thiểu do nhà nước quy định.
- Sinh viên hệ cử tuyển được nhà trường xác nhận vào Bản cam kết và Giấy xác nhận của cơ sở giáo dục theo quy định của nhà nước (Phụ lục 1a và 1b) và hưởng HBCS tại địa phương. Học sinh dự bị đại học và học sinh PTDTNT được hưởng HBCS tại cơ sở đào tạo (theo Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 05/5/2016 về việc sửa đổi bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/04/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính).

- Sinh viên được hưởng HBCS nếu có kết quả học tập, rèn luyện đạt loại khá trở lên, ngoài phần HBCS được cấp hàng tháng, được xét hưởng HBKKHT như các Sinh viên khác.

- HBCS được hưởng 12 tháng/năm.

Điều 2. Trợ cấp xã hội

1. Văn bản thực hiện

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/08/2021 về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội (TCXH) là sinh viên đang học tại các trường đào tạo công lập hệ chính quy, dài hạn - tập trung thuộc các diện sau:

- Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, căn cứ vào giấy khai sinh hoặc giấy kết hôn của bố mẹ (bản gốc), có hộ khẩu thường trú ở vùng cao từ 3 năm trở lên (tính từ thời điểm nhập học).

- Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa (phải xuất trình giấy xác nhận của phòng LĐTB&XH cấp quận, huyện, thị xã nơi cư trú là mồ côi cả cha lẫn mẹ không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên).

- Sinh viên là người tàn tật theo quy định số 81/CP ngày 23/11/1995, là người khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật (phải xuất trình biên bản giám định y khoa của Hội đồng Y khoa có thẩm quyền; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn).

- Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó trong học tập (gia đình thuộc diện xóa đói giảm nghèo có giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền).

Sinh viên muốn được hưởng TCXH phải làm đơn và xuất trình đầy đủ giấy tờ theo quy định mới được nhà trường xét. Đối với sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, nhà trường xét theo từng học kỳ.

3. Mức hưởng trợ cấp xã hội

- Sinh viên được hưởng TCXH với mức 100.000 đ/tháng. Riêng đối tượng sinh viên là người dân tộc ít người có hộ khẩu thường trú ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn được hưởng 140.000 đ/tháng.

- Trợ cấp xã hội được hưởng 12 tháng/năm.

Điều 3. Thủ tục

- Vào đầu khóa học nhà trường thông báo rộng rãi cho sinh viên thuộc đối tượng hưởng TCXH được biết để làm đơn xin hưởng TCXH.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhà trường ban hành thông báo, sinh viên nộp đơn về trường (phòng CT&CTSV nhận).

- Nhà trường tổ chức xem xét đơn và phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng, niêm yết công khai danh sách đối tượng được hưởng và thực hiện việc chi trả.

- Sinh viên chỉ cần nộp đơn đề nghị hưởng TCXH (kèm theo minh chứng

đúng đối tượng) một lần vào đầu khóa học tại trường.

- Sinh viên thuộc đối tượng hưởng TCXH được nhà trường chi trả vào tài khoản theo quy định.

- Trong vòng 30 ngày đầu học kỳ, sinh viên nộp các giấy tờ liên quan về nhà trường qua phòng CT&CTSV để được nhà trường xét duyệt. Hồ sơ gồm có:

+ Đơn đề nghị (*Phụ lục 2*);

+ Hồ sơ xin hưởng TCXH (phô tô công chứng).

CHƯƠNG 2.

MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Điều 1. Văn bản thực hiện

Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Miễn học phí

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30/7/2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã/ phường cấp, thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội mà đang học đại học văn bằng thứ nhất bao gồm:

NG
TR
LÀ
T
ÔNG

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mồ côi cả cha và mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Học sinh dự bị đại học, hệ PTDTNT.

e) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

f) Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu;

- Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại (Phụ lục 03).

2. Giảm học phí

a) Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại điểm e mục 1, phần đối tượng được miễn học phí);
- Vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo (trừ các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), (*Phụ lục 03*).

b) Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

Điều 3. Thủ tục

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí cho kỳ học tiếp theo.

- Trong vòng 30 ngày đầu học kỳ, sinh viên nộp các giấy tờ liên quan về nhà trường qua phòng CT&CTSV để được nhà trường xét duyệt. Hồ sơ gồm có:

- + Đơn đề nghị (*Phụ lục 4*);
- + Hồ sơ miễn, giảm (photo công chứng).

CHƯƠNG 3.

**CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI; HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
VÀ HỖ TRỢ SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI**

Điều 1. Chính sách ưu đãi (CSƯĐ)

1. Văn bản thực hiện

- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11, ngày 29/6/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11;

- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

- Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BLĐBXH ngày 28/9/2015 của Bộ Lao

P V
AN I
NG F
NGH
H ĐỒ
11 HQ

động - Thương binh và xã hội, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và con của họ.

2. Thủ tục thực hiện

Sinh viên muốn được hưởng CSUĐ nộp Giấy xác nhận ưu đãi để nhà trường xác nhận và hưởng CSUĐ tại phòng LĐTBXH nơi cư trú (*Phục lục 05*).

Điều 2. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập

1. Văn bản thực hiện

- Căn cứ quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Áp dụng đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, thi đỗ vào học đại học, cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng.

- Không áp dụng đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; sinh viên các cơ sở giáo dục đại học thuộc khối quốc phòng, an ninh.

3. Điều kiện được hưởng chính sách

Để được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, sinh viên phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

b) Thi đỗ vào học đại học, cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng tại năm tham dự tuyển sinh theo đúng quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng.

4. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng

không quá 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

5. Trình tự, thủ tục và hồ sơ

- Trong vòng 30 ngày kể từ khi vào đầu năm học mới, sinh viên nộp hồ sơ về nhà trường qua phòng CT&CTSV. Hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (*Phụ lục 06*);

+ Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng);

+ Giấy khai sinh (bản sao có công chứng);

- Sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải nộp hồ sơ 01 lần vào đầu năm học. Trong năm học, nếu gia đình sinh viên thuộc diện đã thoát nghèo thì sinh viên có trách nhiệm nộp văn bản chứng nhận hộ đã thoát nghèo để dừng việc chi trả chi phí học tập cho kỳ tiếp theo.

Đối với sinh viên chưa thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập, nếu trong năm học, gia đình sinh viên được bổ sung diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì nộp hồ sơ bổ sung đối tượng hưởng chính sách làm căn cứ chi trả chi phí học tập trong kỳ tiếp theo. Thời gian được hưởng theo hiệu lực của Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Trường hợp trong quá trình học tập, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập không nộp đơn đề nghị kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo qui định thì chỉ được chi trả chi phí học tập tính từ ngày nhà trường nhận được đầy đủ hồ sơ đến khi kết thúc khóa học và không được giải quyết truy lĩnh tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với thời gian đã học từ trước thời điểm sinh viên gửi hồ sơ đề nghị kèm theo các giấy tờ cần thiết có liên quan.

6. Phương thức chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập

Sinh viên thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí đào tạo được nhà trường chi trả vào tài khoản theo quy định.

7. Quy định về dừng cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập

- Sinh viên bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định kỷ luật có hiệu lực. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bỏ học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học thì nhà trường dừng thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập vào kỳ học tiếp theo.

- Sinh viên bị đình chỉ học tập (có thời hạn) thì không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian bị đình chỉ, trừ trường hợp dừng học do ốm



đau, tai nạn, hoặc dừng học vì lý do khách quan được nhà trường xác nhận. Trường hợp sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập thì nhà trường thực hiện khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kỳ học tiếp theo sau khi sinh viên nhập học lại.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người

1. Văn bản thực hiện

Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chính sách hỗ trợ học tập đối với sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người như: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chút, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ (gọi tắt là dân tộc thiểu số rất ít người).

3. Mức hỗ trợ, thời gian hưởng

- Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục đại học, được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng.
- Thời gian hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp đối tượng học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

4. Nguyên tắc hưởng

- Sinh viên nếu học đồng thời ở nhiều khoa/viện trong trường hoặc học ở nhiều trường khác nhau thì chỉ được hưởng hỗ trợ một lần.
- Sinh viên bị ngừng học thì thời gian ngừng học không được hưởng hỗ trợ. HSSV bị buộc thôi học thì thôi hưởng chính sách hỗ trợ ngay sau khi thôi học.
- Sinh viên thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất, cụ thể:
 - + Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và học sinh dự bị đại học được hưởng chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này không được hưởng học bổng chính sách quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ GD&ĐT.

+ Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được hưởng chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này không được hưởng hỗ trợ chi phí học tập quy định

tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Trình tự xét duyệt và phương thức chi trả

- Vào đầu khóa học nhà trường thông báo rộng rãi cho sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được biết để làm đơn đề nghị hỗ trợ học tập (*Phụ lục 07*).

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhà trường ban hành thông báo, sinh viên nộp đơn về trường (phòng CT&CTSV nhận).

- Nhà trường tổ chức xem xét đơn và phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng, niêm yết công khai danh sách đối tượng được hưởng và thực hiện việc chi trả.

- Sinh viên chỉ cần nộp đơn đề nghị hỗ trợ học tập (kèm theo minh chứng đúng đối tượng) một lần vào đầu khóa học tại trường.

- Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người thuộc đối tượng hỗ trợ học tập được nhà trường chi trả vào tài khoản theo quy định.

CHƯƠNG 4.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 1. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

a) Là đơn vị đầu mối, thường trực trong công tác xét MGHP, TCXH, HTCPHT;

b) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét từ các lớp, khoa;

c) Tiếp nhận, giải quyết phản hồi của các đơn vị và sinh viên.

2. Các Khoa chuyên môn: Chỉ đạo CVHT/GVCN triển khai đến sinh viên thuộc đơn vị quản lý theo quy định;

3. Phòng Tài chính, Kế toán: Cấp TCXH, HTCPHT và MGHP cho sinh viên sau khi có Quyết định xét cấp của Giám đốc Phân hiệu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

- Các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên đang học tại Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này, các đơn vị, cá nhân gửi ý kiến đóng góp bằng văn bản về Phân hiệu thông qua Phòng Chính trị & Công tác sinh viên để trình Giám đốc xem xét, quyết định./.

Phụ lục 1b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Tôi là:

Sinh viên/học sinh/học viên lớp khóa khoa

Trường:

Địa chỉ thường trú

Số CCCD: ngày cấp: nơi cấp:

Tôi đã nghiên cứu kỹ và xin cam kết thực hiện các nội dung được quy định tại Nghị định 84/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/07/2020 quy định chi tiết về một số điều của Luật Giáo dục.

Nếu trong trường hợp phải bồi hoàn, tôi xin cam kết hoàn trả số tiền được quy định tại Thông tư Liên Bộ nói trên.

XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG

....., ngày tháng năm

Người viết cam kết

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 1a:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC

Trường

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Xác nhận anh/chị (*Chữ in hoa, có dấu*)

Là sinh viên/ học sinh năm thứ:

Khóa học:

Giấy xác nhận này để làm căn cứ xét, cấp học bổng chính sách theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp học sinh, sinh viên bị kỷ luật, đình chỉ học tập hoặc buộc thôi học, nhà trường sẽ gửi thông báo kịp thời về địa phương.

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ CỞ GIÁO DỤC

(*Ký tên, đóng dấu*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT TRỢ CẤP XÃ HỘI

Kính gửi: - Giám đốc Phân hiệu Trường ĐHLN
- Phòng CT&CT Sinh viên

Họ và tên: Dân tộc:

Sinh ngày: Nơi sinh:

Lớp: Khóa học:

Ngành học:..... Khoa:

Mã số sinh viên:

Số điện thoại của SV: Số điện thoại của gia đình:

Thuộc đối tượng:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số VC, vùng 135
- Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa
- Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế
- Sinh viên là con hộ nghèo, cận nghèo

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xét trợ cấp xã hội theo qui định.

Các giấy tờ kèm theo đơn này gồm (*photo công chứng: Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu {nếu SV hưởng chế độ theo hộ khác, cần có cả 02 sổ hộ khẩu}, giấy chứng nhận chế độ hưởng...*):

.....
.....

....., ngàytháng năm

Xác nhận của Phòng CT&CT SV

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Ký, ghi rõ họ và tên

Phụ lục 03:

DANH MỤC VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

*(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH
ngày 30/ 3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính
và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)*

CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH DANH MỤC VÙNG, ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ-XÃ HỘI KHÓ KHĂN VÀ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

1. Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
2. Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
3. Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
4. Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 8/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
5. Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh Mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;
6. Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh Mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.

7. Các địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi Tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư.

Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có)/.

Phụ lục 04:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: - **Giám đốc Phân hiệu Trường ĐHLN**
 - **Phòng CT&CT Sinh viên**

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Lớp:khóa:..... Khoa :

Mã số sinh viên:

Thuộc đối tượng⁽¹⁾:.....

.....
Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định.

....., ngày tháng năm

Xác nhận của Phòng CT&CT SV

Người viết đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

.....

Ghi chú:

(1): Ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP

Phụ lục 05:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

Phần I: Dùng cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông xác nhận

Trường:

Xác nhận học sinh:

Hiện đang học tại lớp..... Học kỳ:..... Năm học:.....

Phần II: Dùng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học xác nhận

Trường:

Xác nhận anh/chị:.....

Hiện là học sinh, sinh viên: Năm thứ..... Học kỳ: Năm học.....

Khoa Khóa học Thời gian khóa học(năm);

Hình thức đào tạo:

Kỷ luật:(ghi rõ mức độ kỷ luật nếu có).

Đề nghị Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội xem xét, giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo cho..... theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 06:

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Ban Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp

Họ và tên: Dân tộc:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

.....

Lớp: khóa:..... Khoa:

Mã số sinh viên:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch số 35 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)*

.....

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để hỗ trợ chi phí học tập theo quy định.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Xác nhận của Phòng CT&CT SV

Người viết đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

Phụ lục 07:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC TẬP

(Dùng cho học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập)

Kính gửi: - Ban Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp;
- Phòng Chính trị & Công tác sinh viên.

Họ và tên học sinh, sinh viên:.....

Hộ khẩu thường trú tại:.....

Sinh ngày:.....

Dân tộc:.....

Hiện đang học tại lớp:.....

Trường:.....

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết cấp tiền hỗ trợ học tập theo quy định và chế độ hiện hành./.

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP XÃ/ PHƯỜNG ⁽¹⁾

Nơi sinh viên đăng ký thường trú
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày....tháng....năm....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp sinh viên có giấy khai sinh hoặc căn cước công dân thì nộp giấy khai sinh hoặc căn cước công dân (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính) kèm theo đơn, không cần xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.